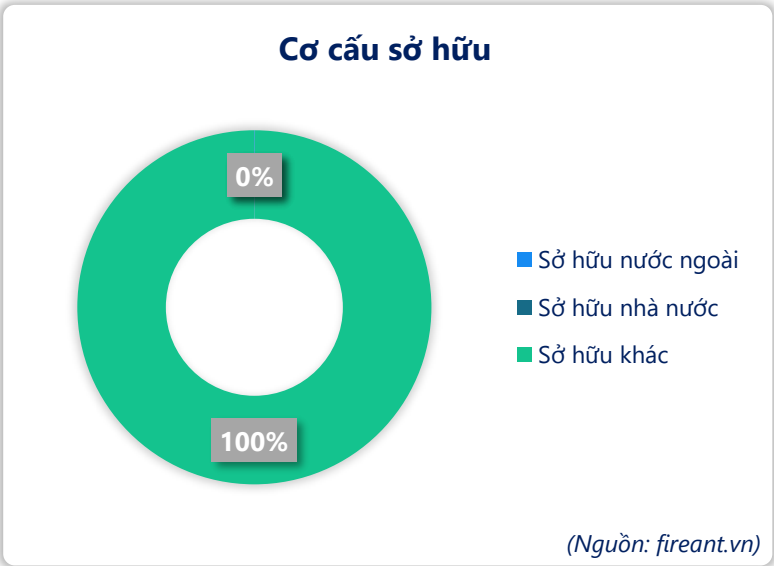
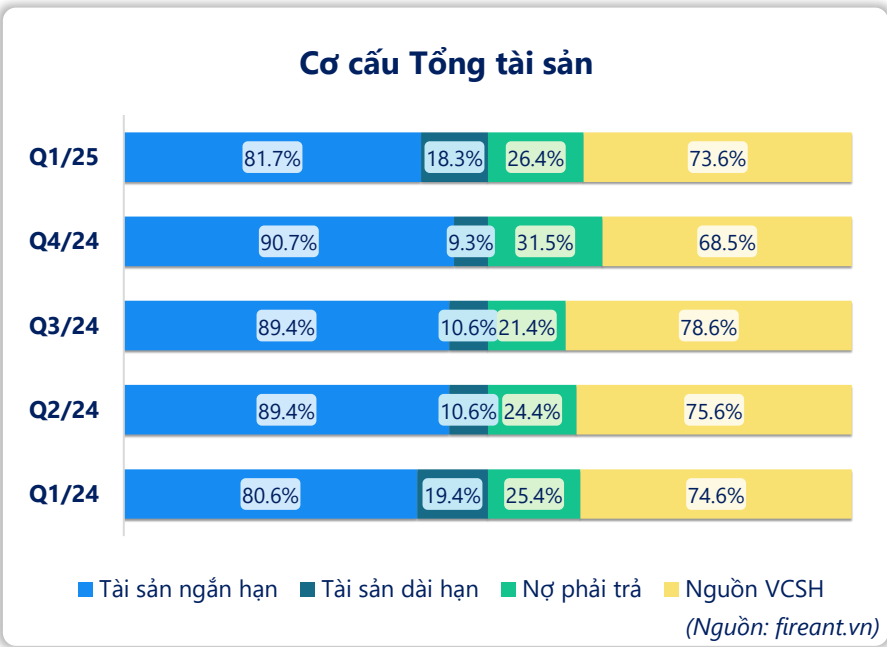
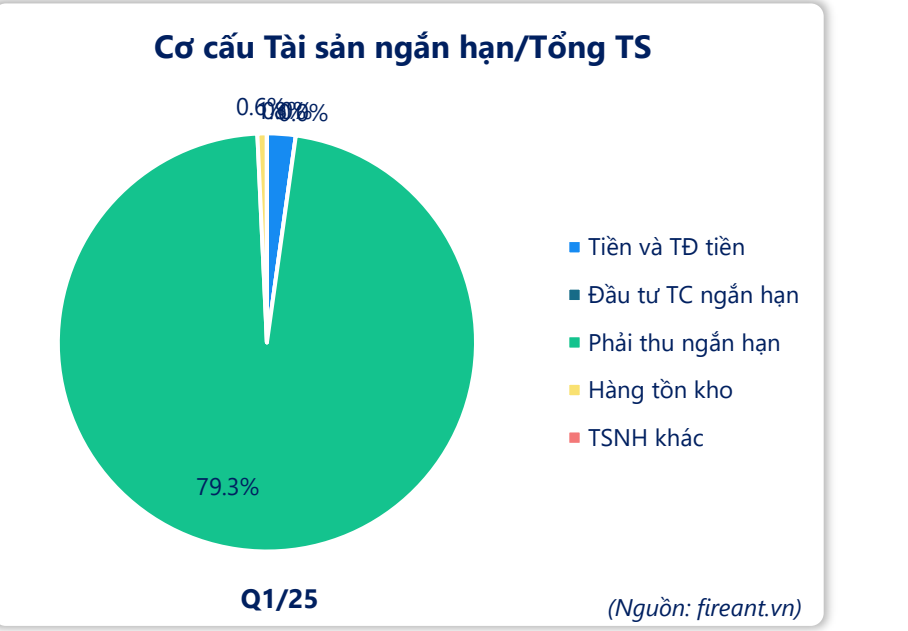
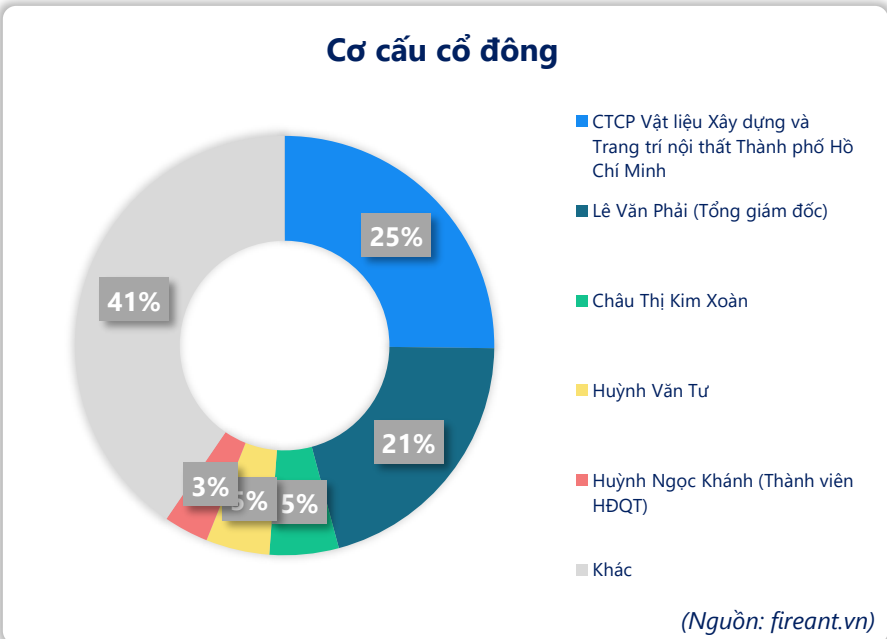
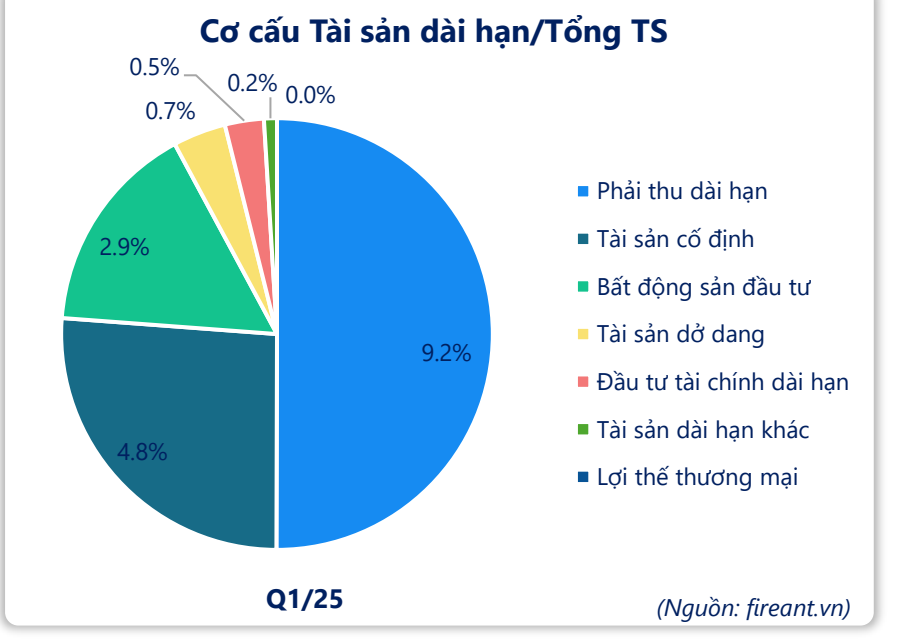
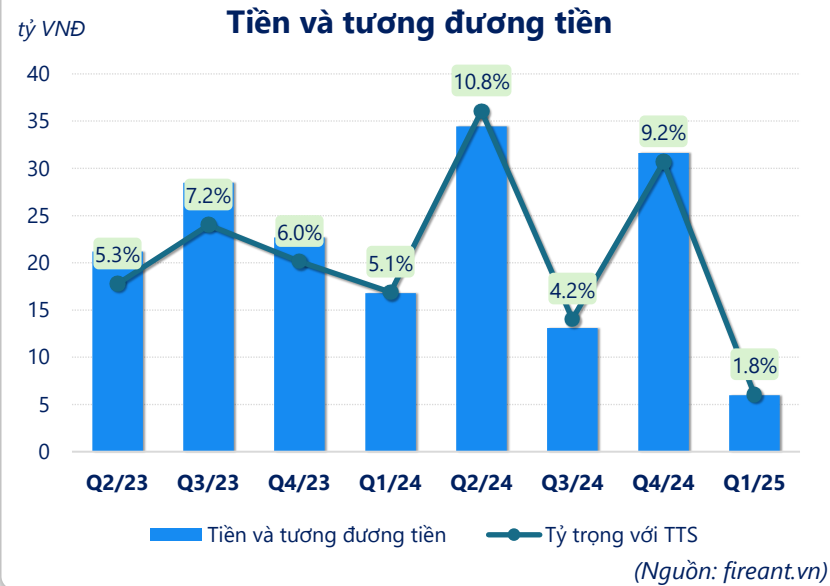
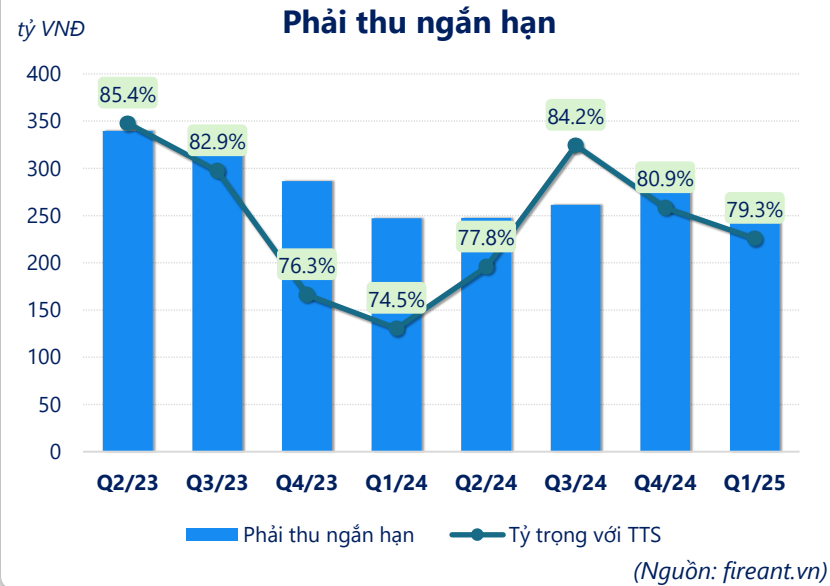
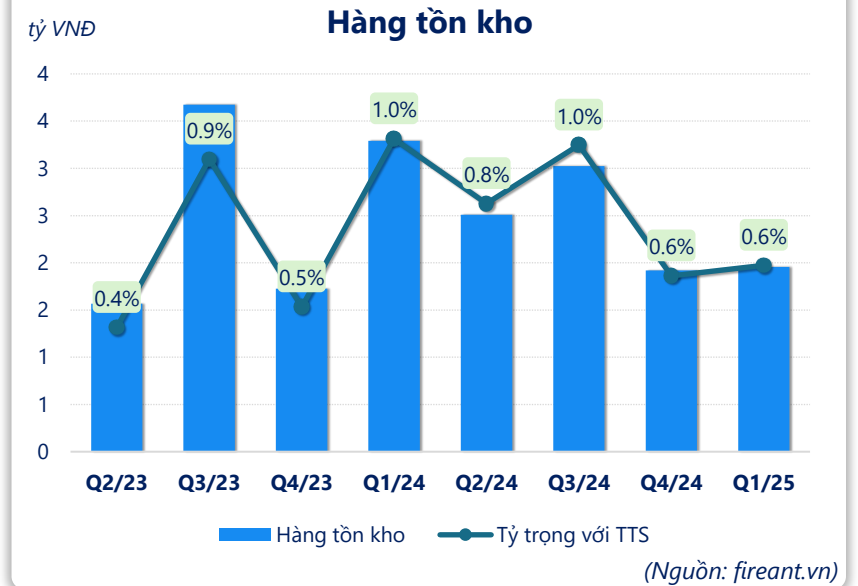
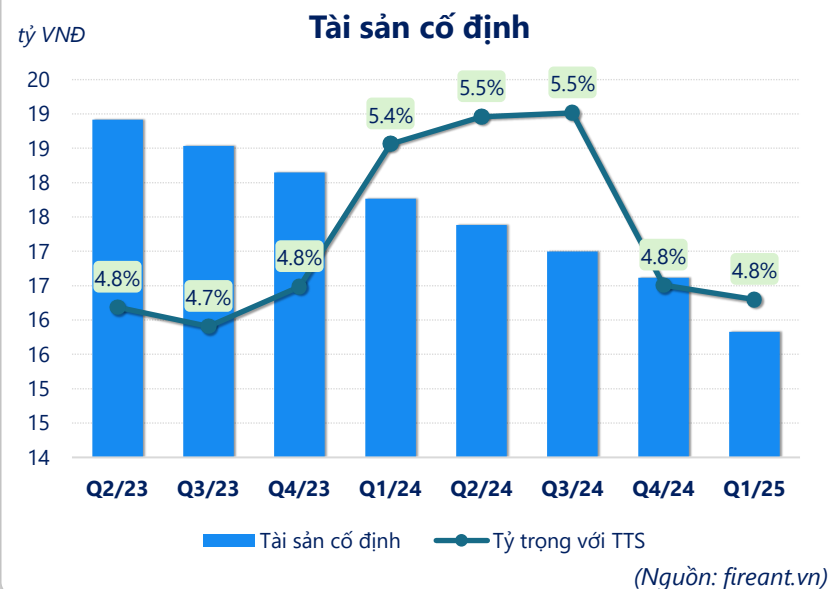
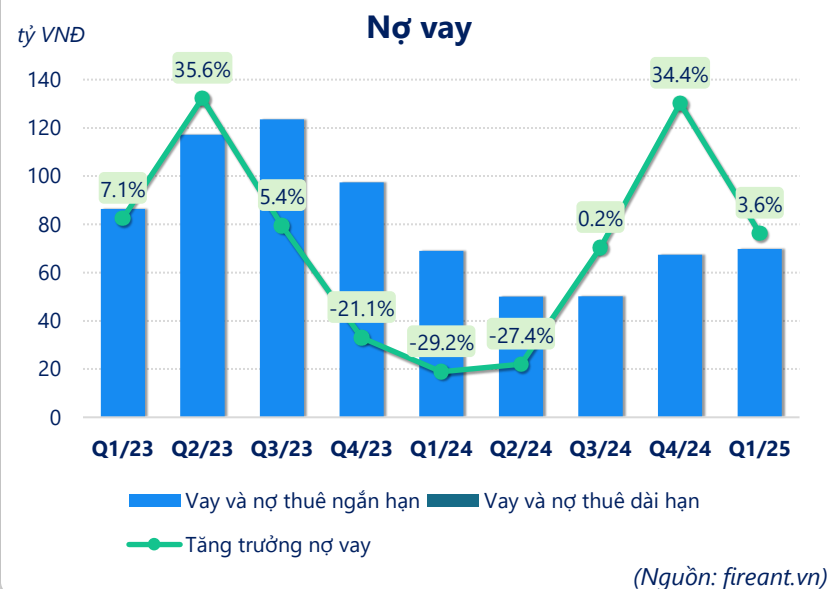
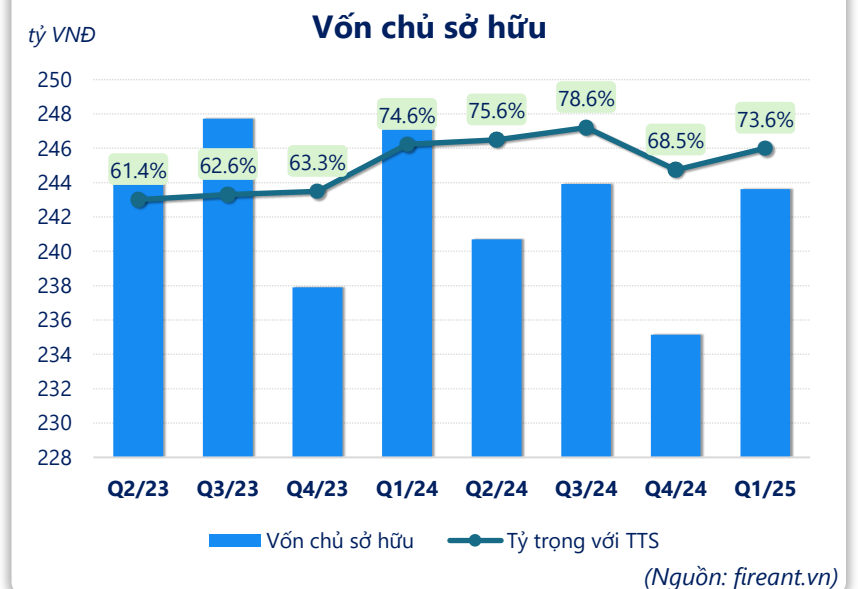
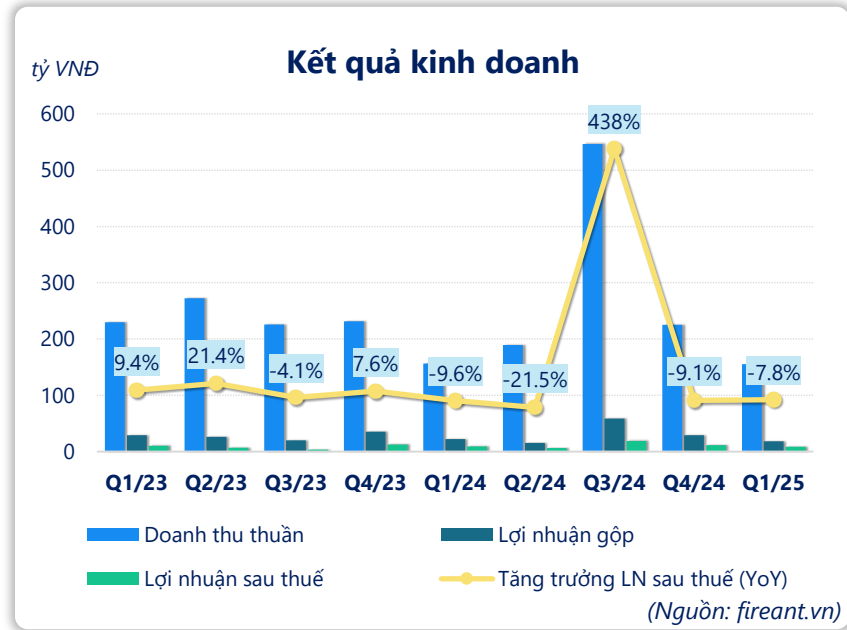
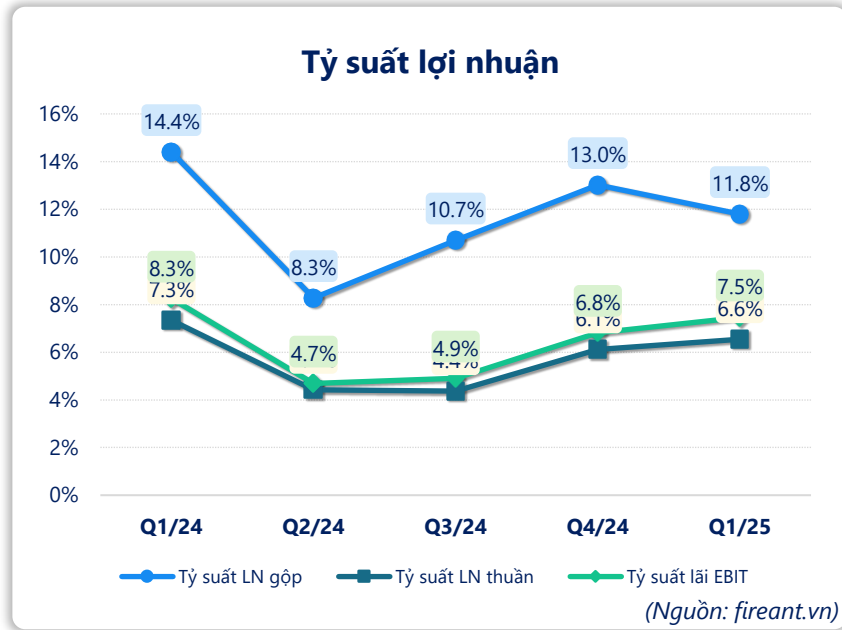
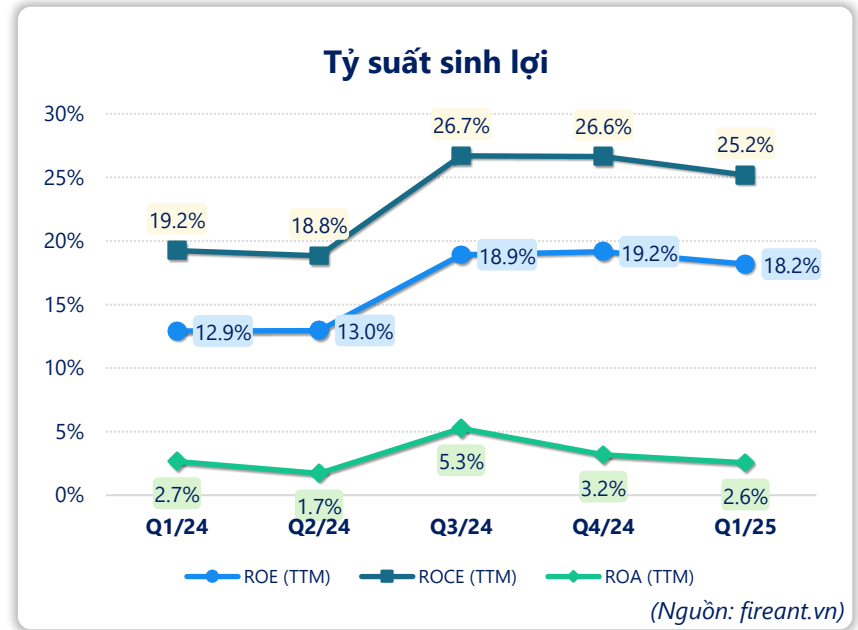
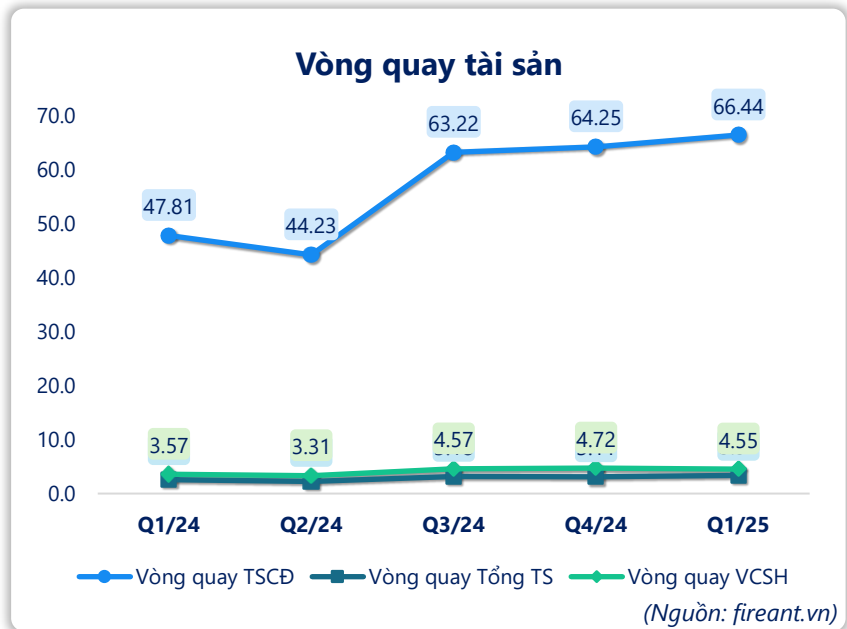
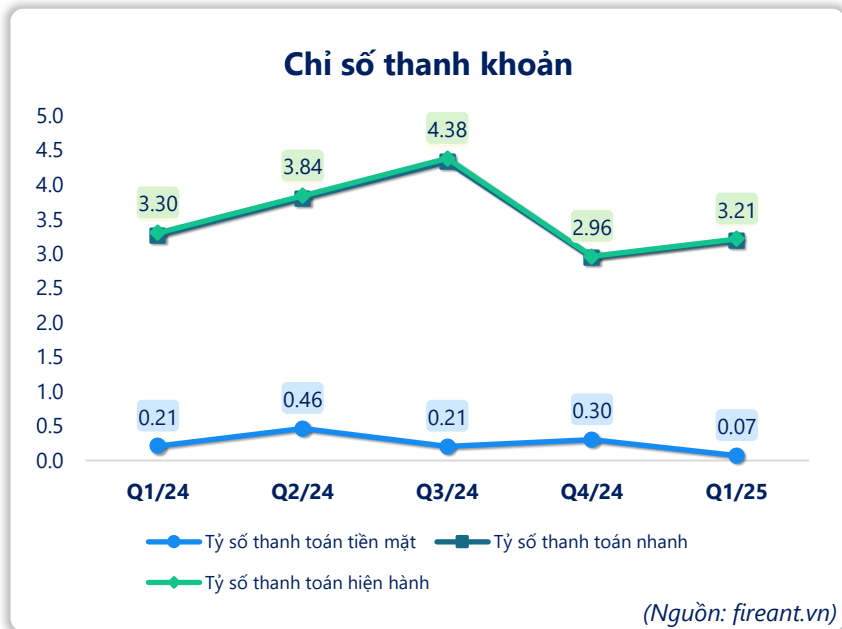
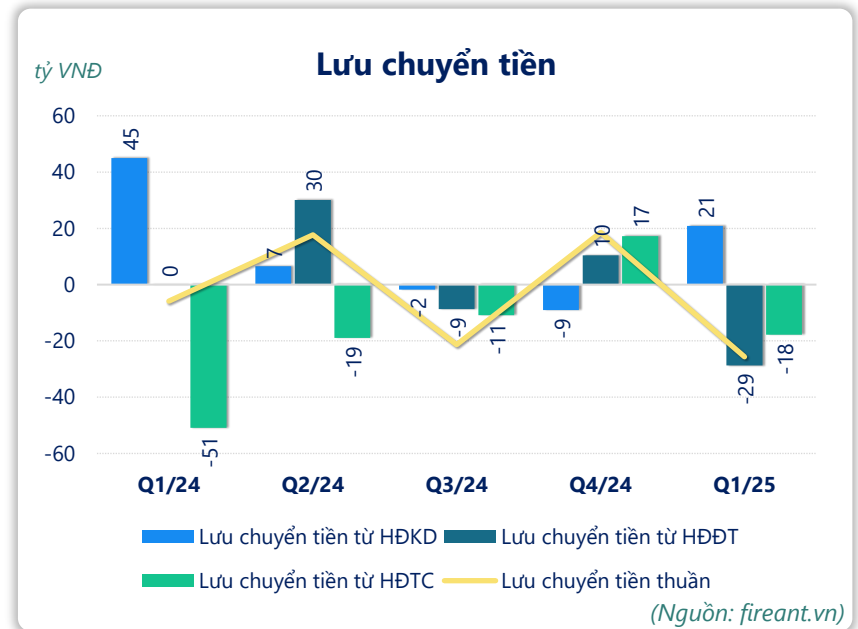


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,296
SL cổ phiếu LH		11,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,525
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		261
P/E		5.9
EPS		3,976

	YTD	1T	3T	6T
CMD	6.9%	-2.9%	4.5%	17.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	331	342	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	270	310	-12.9%
Tiền và tương đương tiền	5.98	31.6	-81.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	262	277	-5.3%
Hàng tồn kho	1.96	1.92	2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.02	-11.9%
Tài sản dài hạn	60.5	32.0	89.3%
Phải thu dài hạn	30.3	0.58	5124%
Tài sản cố định	15.8	16.6	-4.7%
Bất động sản đầu tư	9.66	9.79	-1.3%
Tài sản dở dang	2.40	2.40	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.77	1.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.59	0.84	-30.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.2	107	-18.7%
Nợ ngắn hạn	84.1	104	-19.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.9	67.4	3.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.06	5.54	-8.6%
Nợ dài hạn	3.05	3.14	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	244	235	3.6%
Vốn chủ sở hữu	244	235	3.6%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	156	189	546	225	155
Giá vốn hàng bán	134	174	488	196	137
Lợi nhuận gộp	22.5	15.7	58.4	29.3	18.3
Doanh thu HĐTC	0.75	2.12	3.83	1.96	0.80
Chi phí TC	1.41	1.03	3.54	1.06	1.01
Chi phí lãi vay	1.41	1.15	3.54	1.02	1.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.00	9.51	25.4	9.17	5.27
Chi phí QLDN	3.37	-1.14	9.47	7.25	2.67
LN thuần từ HĐKD	11.5	8.37	23.9	13.8	10.2
Lợi nhuận khác	0.01	-0.65	-0.64	0.55	0.41
LN trước thuế	11.5	7.72	23.2	14.3	10.6
Lợi nhuận sau thuế	9.19	6.15	18.6	11.4	8.47
LNST của CĐ cty mẹ	9.19	6.15	18.6	11.4	8.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.0	6.53	-1.73	-9.07	20.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	30.0	-8.74	10.4	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.9	-18.9	-10.9	17.3	-17.8
Tiền đầu kỳ	22.7	16.8	34.4	13.1	31.6
Lưu chuyển tiền thuần	-5.89	17.6	-21.4	18.5	-25.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.8	34.4	13.1	31.6	5.98

(Nguồn: fireant.vn)